

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

VÀI SUY NGHĨ VỀ KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO

PHẠM LAN HƯƠNG (*)

Nhiều người cho rằng khoa học và tôn giáo là hai lĩnh vực khác hẳn nhau. Khoa học mới là chân lý còn tôn giáo là chuyện riêng của một số cá nhân nào đó mà thôi. Tuy nhiên, nếu suy nghĩ kĩ hơn, ta sẽ tự đặt ra câu hỏi: nếu tôn giáo là không thực, là vô bổ thì tại sao trên thế giới này lại có rất nhiều người tin theo. Nhiều người cho rằng, trước kia vì khoa học chưa phát triển, không thể khuất phục được thiên nhiên nên người ta phải tìm đến tôn giáo. Có người còn dự đoán rằng đến chừng mà khoa học phát triển mạnh mẽ thì tôn giáo sẽ tàn lụi. Tuy nhiên thực tế đã không hẳn như vậy. Khoa học ngày nay đã phát triển phi thường, nhưng tôn giáo vẫn tồn tại. Một số tôn giáo còn gia tăng số lượng tín đồ trong đó có cả các nhà khoa học. Vậy giữa khoa học và tôn giáo có mối liên hệ gì không và triển vọng ra sao?

KHOA HỌC CÓ TỪ BAO GIỜ?

Ngày nay không ai biết chính xác khoa học có từ bao giờ, nhưng khi nghiên cứu lịch sử phát triển của con người ta biết rằng: Trong quá trình lao động do nhu cầu trao đổi kinh nghiệm sản xuất con người đã phát triển tiếng nói và hình thành chữ viết, đó là cơ sở của ngành ngôn ngữ học. Có chữ viết, các kinh

ngiệm sản xuất, chiến đấu được trao đổi, tích lũy và dần dần hình thành các ngành khoa học nông nghiệp, sinh vật, chăn nuôi, quân sự... dần dần con người đi tàu, đi biển, phát kiến ra những vùng đất mới. Nhu cầu tìm phương hướng trong không gian, thời gian đòi hỏi phải biết chuyển động của mặt trời, mặt trăng, tinh tú, phải biết sự thay đổi của năm tháng, ngày đêm. Cơ sở của ngành thiên văn được xây dựng và phát triển. Quan sát thiên văn đã mở rộng các môn toán học, hình học... rồi những chống chọi với thiên nhiên, việc xây dựng đê đập, đền chùa đã tạo nên ngành khoa học xây dựng, kiến trúc, cơ học. Đồng thời con người sống, chiến đấu với bệnh tật đã tạo nên nền móng cho ngành y học. Cùng với khoa học tự nhiên, các ngành khoa học xã hội cũng dần được hình thành và phát triển. Đó là triết học, văn học, thơ ca, hội họa, v.v...

Vậy Khoa học là gì? Khoa học là hệ thống tri thức về tự nhiên, xã hội và tư duy. Nó nêu được những quy luật phát triển khách quan của tự nhiên, xã hội và giải thích một cách đúng đắn nguồn gốc, sự phát triển, mối liên hệ của các hiện tượng. Đồng thời khoa học cũng đề ra

*. PGS. TS., Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

được các phương pháp giải quyết các mâu thuẫn, các tồn tại nhằm đưa xã hội phát triển hơn.

TÔN GIÁO XUẤT HIỆN TỪ KHI NÀO?

Cũng không ai biết chính xác tôn giáo có từ khi nào. Phải chăng từ khi xuất hiện đạo Kitô, đạo Phật khoảng hai, ba ngàn năm trước? Thực ra tín ngưỡng và lòng tin của con người vào thần thánh đã có từ rất lâu trước đó. Có thể là 15.000- 20.000 năm, khi bắt đầu có xã hội loài người.

Sự hình thành dần dần các ngành khoa học giúp con người chinh phục thiên nhiên để có thể tồn tại và phát triển. Nhưng thiên nhiên thì bao la, đất trời đầy bí hiểm. Từ thời kì tiền sử, con người đã khát khao tìm đến những thế lực có sức mạnh phi thường, có thể giúp họ vượt qua được những giông tố của cuộc đời. Những thế lực được con người mơ ước đó chính là các thần linh. Dù con người luôn cố gắng để tìm hiểu thiên nhiên, chế ngự thiên nhiên phục vụ cho lợi ích con người, dù khoa học đã phát triển như vũ bão nhưng còn rất nhiều điều khoa học vẫn chưa giải thích nổi. Đường như chân lí khoa học vẫn là một quá trình tiệm cận xa vời và cuộc sống đầy bất trắc, nhiều nỗi khổ đau vẫn dẫn một bộ phận con người phải tìm đến những niềm tin khác nữa, những niềm an ủi khác để có thể cân bằng cuộc sống, để có thể lấp đầy những khoảng trống mà khoa học (kể cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội) chưa thể đem lại cho họ.

Vậy là cả khoa học và tôn giáo đều có nguồn gốc từ nhu cầu cuộc sống của con người, đều có sứ mệnh phụng sự cho sự phát triển của con người. Nếu như khoa học giúp cho xã hội loài người ngày càng

văn minh hơn, đời sống vật chất ngày càng sung sướng hơn thì tôn giáo cũng phần nào giúp cho con người được yên bình, được an ủi và lương thiện hơn.

SỰ KHÁC NHAU VÀ QUAN HỆ GIỮA KHOA HỌC - TÔN GIÁO

Đối tượng nghiên cứu và động lực phát triển của khoa học

Đối tượng nghiên cứu của khoa học là thế giới khách quan. Động lực phát triển của khoa học chính là thực tiễn của xã hội. Thực tiễn đặt ra cho khoa học những nhu cầu, những nhiệm vụ nhất định. Sự tất yếu phải giải quyết những nhiệm vụ này quyết định sự ra đời và phát triển của ngành tri thức này hay ngành tri thức khác. Chỉ có những yêu cầu bức xúc của thực tiễn, mới thúc đẩy tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học. Mặt khác, nghiên cứu khoa học làm cho sản xuất và xã hội phát triển không ngừng. Sự phát triển của khoa học gắn liền với mọi phương diện của đời sống xã hội. Khoa học bao giờ cũng tồn tại và phát triển trong những điều kiện cụ thể về không gian và thời gian, chẳng hạn khoa học xã hội luôn gắn liền với phương thức sản xuất nhất định.

Đối tượng và phương thức tiếp cận của tôn giáo

Đối tượng của tôn giáo là thế giới nội tâm của con người. Tôn giáo được hình thành, phát triển trên cơ sở những mơ ước, những chiêm nghiệm – tổng kết từ cuộc đời thực, gắn liền với sự huyền bí của thiên nhiên, người ta tìm ra những quy luật cho xã hội theo trí tưởng tượng của con người và khao khát, kì vọng về một tương lai hoàn mĩ cho những con người sẵn lòng tu luyện và tin vào những giáo lí đó.

Tôn giáo không cần đến các phương pháp nghiên cứu khoa học. Họ không cần làm các thí nghiệm, không cần đưa ra các dữ liệu, các chỉ số phần trăm, không cần xử lý số liệu trên máy tính, không cần bất kì một phép tính định lượng nào và cũng không cần cả việc chứng minh các giả thiết. Họ đưa ra những ví dụ cụ thể, những câu chuyện được truyền tụng lại từ đời xưa, mang ý nghĩa biểu tượng để giáo dục tín đồ. Những kết luận trong giáo lý của các tôn giáo cũng tương tự như các TIỀN ĐỀ trong khoa học vậy. Các TIỀN ĐỀ (những phần được coi như hiển nhiên, không chứng minh) được nêu ra, nếu ai tin thì hãy rèn luyện theo những yêu cầu cụ thể của giáo lý và cuối cùng sẽ được hứa hẹn một cuộc sống hạnh phúc trong tương lai gần (kiếp sau của đạo Phật) hay tương lai xa (đến ngày phán xử cuối cùng của đạo Kitô).

Ảnh hưởng của khoa học tới tôn giáo

Chúng ta đều biết, xã hội ngày càng phát triển thì khoa học cũng ngày càng phát triển hơn. Thế kỉ XXI này cứ mỗi thập kỉ số thành tựu khoa học tăng bằng cả vài trăm năm trước đó. Khoa học đã tác động đến từng con người trong xã hội, trong đó có các tín đồ. Hơn nữa trong thời đại thông tin này, dù muốn hay không mọi người cũng đều biết tới các con tàu vũ trụ, các hành tinh xa xôi ngoài trái đất. Vậy thì Chúa ở đâu? Thần thánh ở đâu trong bầu trời này? Làn sóng khoa học đã tác động mạnh mẽ tới các triết lý tôn giáo, các tổ chức tôn giáo. Nhiều vị lãnh đạo trong các giáo đoàn đã nhận thấy phải đổi mới tôn giáo cho phù hợp với thời đại. Đạo Phật cũng đề ra chống mê tín, dị đoan. Một số chùa đã bỏ các bình đốt vàng mã cho người âm phủ. Nhiều nhà sư mong muốn đạo Phật phát

triển phần triết lý nhiều hơn là tôn giáo. Ở Châu Âu những người nghiên cứu Kitô giáo đang cố tìm về các vùng mà Cựu ước và Tân ước đã đề cập tới. Họ vận dụng khoa học khảo cổ, phương pháp phê phán lịch sử, phân tích tu từ học, tiếp cận xã hội, tiếp cận tâm lý cũng như nhiều khoa học khác để tìm ra sự thật về Thiên Chúa cũng như Chúa Giêsu.

Trong từng tôn giáo cũng có những phần mang tính khoa học. Từ 2.500 năm trước, Đức Phật chỉ với 49 ngày ngồi dưới gốc bồ đề suy nghĩ về cái chân lý của cuộc đời, cũng đã đề ra những học thuyết cơ bản về sự vận động của thế giới. Đó là, thuyết “vô thường” tuyên bố tất cả mọi vật chất trên thế giới này đều luôn thay đổi. Tuy ông chưa tìm ra được quy luật của sự biến đổi đó là gì, nhưng giả thuyết mà ông nêu ra đã được các nhà khoa học thế hệ sau chứng minh và phát triển trong nhiều học thuyết vật lý-sinh lý, trong đó có thuyết tiến hóa. “Duyên khởi” cũng là một nguyên lý mang tính lôgic cao. Ở đây các phương pháp nghiên cứu của Phật giáo cũng trùng với một trong những phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại (phần định tính). Cái gì cũng có nguyên nhân, từ nguyên nhân tùy theo quá trình vận động và tác động tương hỗ sẽ cho kết quả. Tuy nhiên, ở đây Phật giáo đi kèm thuyết “luân hồi” như là một hệ quả của luật “nhân-quả”. Chưa một ai trên đời này biết kiếp trước của mình là gì và rồi kiếp sau sẽ ra sao. Có một vài hiện tượng về những đứa trẻ mới 2 tuổi đã biết đọc, biết viết và có hiểu biết như một người lớn làm cho người ta nghi ngờ rằng có thể đó là những kiến thức của kiếp trước được hồi sinh. Nhưng nói chung chưa một ngành khoa học hay nhà khoa học nào dám công nhận học thuyết này theo tinh thần khoa học. Luân hồi

vẫn là một cảm nhận mơ hồ và cũng mới chỉ là hệ quả của một tiên đề trong Phật học.

Trong khi các tôn giáo nhất thần theo truyền thống Abraham khẳng định có một đấng sáng tạo là Thiên Chúa, thì Phật giáo lại đưa ra định luật về “tính không”. Phật giáo không công nhận có một ai đó sáng tạo ra con người với muôn loài. Đường như Đức Phật chỉ muốn hạn chế học thuyết của mình trong cái thế giới hiện hữu. Chỉ với mục đích “giải thoát”, Ngài cho rằng tìm hiểu những gì xa hơn trong thế giới vô tận này là chưa cần thiết trong quá trình đạt đến mục đích của mình. (Kinh Tiển Dự kể lại rằng: có một lần, bị học trò hỏi về vũ trụ, Đức Phật đã im lặng không trả lời. Ngài kể cho học trò Man Đồng Tử nghe về một người bị mũi tên độc. Vấn đề cấp thiết là giải phẫu chất độc chứ không phải tìm cho ra người bắn mũi tên, bởi lẽ người trúng độc sẽ chết trước khi tìm ra hung thủ. Cũng thế, việc cấp thiết của con người là nhổ mũi tên “khổ đau” chứ không phải tìm những câu trả lời siêu hình, không thiết thực.)

Ngay trong các tôn giáo nhất thần thì cách hiểu về Chúa cũng khác nhau. Người Kitô giáo tin rằng có một Thiên Chúa duy nhất, một Ba Ngôi bất khả phân, đó là Chúa Cha, đấng sáng tạo vũ trụ đã tạo ra con người theo họa ảnh của Thiên Chúa; Chúa Con hóa thành nhục thể trong Chúa Giêsu và Chúa Thánh Linh. Cơ Đốc Phục Lâm lại cho rằng chỉ có Chúa Cha là Thiên Chúa, còn đạo Mormon cũng công nhận Ba Ngôi nhưng lại cho rằng đó là ba thân độc lập. Người Islam giáo cũng tin Thiên Chúa nhưng là một đấng vô hình, không có ba ngôi: “Ngài không sinh Chúa Con và cũng

không do ai sinh ra. Chẳng một ai giống Thiên Chúa cả”. Người Islam giáo còn cho rằng Muhamad của họ chính là nhà tiên tri của Chúa và tôn giáo của họ (đầu thế kỷ VII) sẽ thay thế Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo trước đó. Việt Nam, tuy đa thần nhưng tín đồ đạo Cao Đài cho rằng có một Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, năm 1926 xuống Việt Nam, bằng cơ bút, ủy thác cho các ông Ngô Văn Chiêu, Phạm Công Tắc... lập ra đạo Cao Đài để quy nguyên, hợp nhất các tôn giáo. Giáo lý của đạo Cao Đài tổng hợp giáo lý của các tôn giáo trước.

Vậy là cách tưởng tượng của con người thật phong phú, thật đa dạng, đó cũng chính là nét văn hóa độc đáo của từng nhóm người. Tuy hỏi thực ra có “đấng sáng tạo” nào không, thì nhà khoa học cũng chỉ cười và trả lời “có Trời mà biết”.

Ngày xưa, người theo Công giáo tin Chúa với tất cả tấm lòng, không chút nghi ngờ, suy xét. Nhưng ngày nay, dưới ánh sáng khoa học, nhiều tín đồ đọc đi đọc lại Cựu ước và có nhiều điều họ không khỏi băn khoăn. Không giống như đa số tín đồ Kitô giáo tin rằng Cựu ước và Tân ước là những câu chuyện lịch sử hoàn toàn có thật, nhiều nhà trí thức Kitô giáo hiểu rằng Cựu ước đã được viết từ rất xa xưa khoảng 13 thế kỷ trước Công nguyên. Thời mà xã hội loài người mới hình thành, con người còn rất lạc hậu, mông muội và rất ngây thơ, luôn nhìn thiên nhiên với con mắt thần phục. Sách Khởi nguyên trong Kinh Thánh nói Thiên Chúa đã sáng tạo ra vũ trụ, vạn vật và loài người trong 6 ngày. Nhưng thực ra thuyết Big Bang là lý thuyết khoa học mới nhất thì sự giải thích lại dựa vào năng lượng. Năng lượng dần nở tương đương với tốc độ ánh sáng, rồi dần kết tụ

thành tinh cầu trong đó có địa cầu. Văn chương trong Kinh Thánh chịu ảnh hưởng của thần thoại, huyền thoại, nhân thoại và não trạng của những người Do Thái cổ. Nhiều tác giả tôn giáo cho rằng tìm hiểu lời Chúa trong Kinh Thánh phải như “tìm ngọc trong đá”, vượt lên nghĩa đen, tìm hiểu tính biểu tượng của ngôn ngữ, bỏ qua những nét thần thoại mà tìm đến những chân lý vượt cả không gian, thời gian mang ý nghĩa giáo dục của nó. Mới đây, Ủy ban Kinh Thánh Giáo hoàng chỉ trích những người bảo thủ và khuyến cáo họ về cái “khuyh hướng xử lý văn bản Kinh Thánh như thể bản văn đã được Thánh thần đọc chính tả từng chữ” và đó là “những quan điểm hẹp hòi, bởi vì phong trào coi quan niệm vũ trụ cổ xưa, lỗi thời là phù hợp với thực tại”. Chính Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II cũng phải nhắc nhở Ủy ban Kinh Thánh Giáo hoàng: “Kinh Thánh có ảnh hưởng trong suốt các thế kỉ. Tiến trình thường xuyên “hiện tại hóa” là nhằm thích nghi việc giải thích Kinh Thánh cho phù hợp với não trạng và ngôn ngữ đương thời”⁽¹⁾.

Các tôn giáo đều muốn dẫn con người tới một thế giới cực lạc, sau khi đã tu luyện và đắc đạo. Đạo Phật thì vào cõi Niết Bàn, Kitô giáo thì lên Thiên Đường. Đó là một thế giới tuyệt đối và lí tưởng theo trí tưởng tượng của con người. Nhưng ngày nay khi khoa học vũ trụ phát triển, cả thiên nhiên và toàn bộ tinh tú đã được con người dần dần biết đến. Lí thuyết của các tôn giáo hiện đại cũng có chiều hướng thay đổi. Nhiều người theo đạo với một tinh thần phục thiện nhưng người ta không đi nhà thờ mà cũng chẳng đến chùa. Người ta tu tại tâm. Thượng Đế và Đức Phật được nhiều trí thức tôn giáo cho rằng đó không phải là một thần linh cao siêu nào mà nó ở

trong tâm mỗi người. Khoa học đã giúp nhiều tôn giáo hiện đại ngày càng bớt đi màu sắc thần bí và trở nên những triết lí của cuộc sống nhiều hơn.

Ảnh hưởng của tôn giáo tới khoa học

Bên cạnh đó những câu chuyện như truyền thuyết trong kinh sử của tôn giáo cũng được các nhà khoa học nghiên cứu lại một cách nghiêm túc. Giống như những truyện khoa học viễn tưởng của Juile-Verno về tàu ngầm, về máy bay. Khi mới xuất bản, người đọc chỉ cho là những truyện giải trí nhưng sau này chính các ý tưởng đó đã được các nhà khoa học biến thành hiện thực. Người ta hi vọng rằng, biết đâu, đến một lúc nào đó có thể tìm ra những bằng chứng sống của thuyết luân hồi trong đạo Phật, có thể tìm đến một đấng sáng tạo nào đó của thế giới này, v.v...

Tôn giáo cũng khiến nhiều nhà khoa học đau đầu tìm kiếm và giải thích cái gọi là “tôn giáo tính” trong mỗi tín đồ. Tại sao con người có thể tin vào những điều không có thật? Tại sao niềm tin đó đôi khi quá nhiệt tình quá hăng say, nhất là các xúc cảm thăng hoa thậm chí đến mức mù quáng như những người Islam giáo cực đoan hiện nay, sẵn sàng lao vào chỗ chết chỉ để “tử vì đạo”. Các nhà sinh học thì tìm kiếm trên bộ não xem vùng nào đảm bảo sự tồn tại và hoạt động của tôn giáo tính. Các nhà tâm lí học cũng tìm cách khám phá nội dung và cách hoạt động của tôn giáo tính theo tâm thức con người. Người ta tin rằng có thể lượng hóa được “tính tôn giáo” ở từng người. Những tìm kiếm cho đến nay vẫn chưa đến hồi kết quả và khoa học cũng chưa chịu đầu hàng.

1. Ủy ban Kinh Thánh Giáo hoàng. *Việc giải thích Kinh Thánh trong Hội thánh*, 2003.

Có nhiều người tuy không hiểu gì về giáo lý tôn giáo nhưng vẫn đến nhà thờ sẵn sàng xưng tội. Tại đây họ đã giải tỏa được những stress mà các bác sĩ y học nhiều khi không giúp được họ. Sau khi đi nhà thờ họ như lấy lại được thể cân bằng trong cuộc sống, được chia sẻ, được an ủi, được động viên. Ở các nước Châu Á như Việt Nam ta thì người đi chùa để tập yoga, tập thiền càng đông đảo. Ở Pháp Thiền sư Thích Nhất Hạnh với phương pháp tập trung trí tuệ gạt bỏ những hệ lụy đời thường đã chữa được nhiều bệnh tật cho người Châu Âu và Phật giáo Làng Mai trở nên rất nổi tiếng. Những phương pháp trị liệu tinh thần của tôn giáo thực đáng là một khoa học, đôi khi còn mạnh hơn cả các khoa học ngoài đời.

Đã có những nhà khoa học như John Ecelos (giải Nobel y học) vẫn bảo vệ quan điểm nhị nguyên của Decarte, dù rằng vẫn bị các bạn đồng nghiệp phản đối vì chưa ai nhìn, đo, đếm được cái linh hồn. Tuy nhiên ngay quan điểm “nhất nguyên” cho rằng con người và thể xác là một, hiện nay cũng bị nghi ngờ vì người ta nhận ra rằng, thế giới không chỉ là vật chất như ta “sờ” thấy được mà còn nhiều “vật chất đen” (dark matter) có thể chứa đến 95% vật chất) chưa thể xác định được. Ngoài ra thế giới còn tồn tại các dạng năng lượng và thông tin nữa. Người ta cho rằng con người mới biết phần nhỏ trong số các năng lượng của vũ trụ. Các nhà khoa học cho rằng bản chất của khoa học là “nghi ngờ” và “cần phải thận trọng trước chủ nghĩa duy vật thô thiển”. Nhà tâm lý học hiện đại Erich Fromm cho rằng ngành tâm lý học cần nghiên cứu đến “linh hồn” như một năng lực cao cấp của con người và đả phá những quan niệm cũ cho rằng linh hồn là một hiện tượng siêu hình.

Kinh Thánh có nói đến “ngày phán xử cuối cùng”, đó cũng là ngày tận cùng của thế giới. Liệu có ngày đó thật không? Theo những số liệu đo đạc và tính toán của nhóm các nhà thiên văn dưới sự lãnh đạo của Perl Mutter tại Lawrence Berkeley Laboratory (California-US), năm 1998 về các vụ nổ của một số ngôi sao mới cho thấy cả vũ trụ đang giãn nở và giãn nở ngày càng nhanh. Cứ giãn nở mãi thì đến một lúc nào đó mật độ vật chất sẽ quá nhỏ, lực hấp dẫn không đủ để giữ vật chất ở lại với nhau và cơn ác mộng của một thế giới tan rã là có thể xảy ra. Nếu như vụ nổ Big Bang đã sinh ra vũ trụ 14 tỉ năm trước đây thì 14 tỉ năm nữa liệu trái đất có còn tồn tại? May thay, nhiều nhà khoa học khác lại cho rằng thế giới còn giữ được bền vững là nhờ vào những năng lượng tối. Dạng “dark matter” này vẫn còn là ẩn số lớn cho các nhà khoa học, vẫn còn là thể lực vô cùng thần bí như “thần linh” hay “Chúa” của các tôn giáo vậy.

Vào thế kỉ cận kề với chúng ta nhất, thế kỉ XX, có ba lí thuyết khoa học được coi là vĩ đại nhất, đó là:

1. Thuyết tương đối của Albert Einstein gồm thuyết tương đối hẹp (1905) và thuyết tương đối rộng (1916) đã chỉ ra tính tương đối của không gian và thời gian. Xưa kia người ta cho rằng thời gian là đại lượng phi vật chất và tuyệt đối nhưng Einstein lại chứng minh rằng nó là đại lượng thay đổi phụ thuộc vào tốc độ chuyển động của vật thể. Cổ tích Việt Nam đã từng có truyện Từ Thức, lấy vợ tiên, lên trời có vài ngày nhưng khi quay lại trái đất thì chỉ còn gặp những người thuộc thế hệ cháu chắt của mình. Một ngày trên Tiên tương ứng với hàng trăm năm của trái đất. Có nghĩa là ở cái hành tinh được gọi là Tiên (quê hương của vợ Từ

Thức) chắc phải có tốc độ quay nhanh hơn nhiều so với trái đất của chúng ta. Khoa học có thể giải thích cả những điều mà trước đây tưởng như chỉ là huyền thoại.

2. Nguyên lí bất định của Werner Heisenberg (1927) khẳng định rằng trong thế giới lượng tử mọi cái đều bất định. Thí dụ một hạt ánh sáng cùng lúc có thể xuất hiện ở 2 vị trí khác nhau. Đây là hiện tượng kì lạ mà không ai có thể giải thích nổi.

3. Định lí Bất toàn (Theorem of Incompleteness) của Kurt Godel (1931). Ông cho rằng trên thế giới tồn tại những sự thật không thể bác bỏ nhưng cũng không thể chứng minh. Ông cũng khẳng định rằng một hệ logic không thể tự chứng minh nó đúng. Ngày nay ta có thể nhận thức điều này rõ ràng hơn, ví dụ một computer dù thông minh, sắc sảo đến mấy cũng không tránh được những hạn chế của nó. Có khi tự nhiên nó bị “treo máy” mà không vì một lí do gì hết.

Ba lí thuyết này đã gây rung động trong giới khoa học thế giới vì những điều khác thường mà nó nêu ra. Nhiều người bị “sốc” vì sụp đổ lòng tin tuyệt đối vào khoa học. Nhưng càng ngày, con người càng nhận thức được tính hợp lí của nó.

Nhà toán học và thiên văn học, giáo sư trường đại học Sussex, London John Barrow, trong cuốn *Những giới hạn của khoa học và khoa học của sự giới hạn*⁽²⁾ đã đưa ra hàng loạt các trường hợp cảnh báo về những hạn chế của khoa học. Dù rằng bản chất của khoa học là logic nhưng nó cũng có nhiều hạn chế nhất định. Không nên chỉ sùng bái khoa học như một hệ thống toàn năng. Nó cần được bổ sung bằng các hình thức nhận thức khác, như văn hoá, nghệ thuật, v.v..., và cả tôn giáo nữa.

Vậy là tôn giáo đã đặt thành vấn đề cho các nhà khoa học. Có thể từ đó sẽ

hình thành một ngành khoa học mới, ngành KHOA HỌC TÔN GIÁO.

Khi nghiên cứu tôn giáo, nếu chỉ nghiên cứu triết lí và với thái độ tỉnh táo của những người làm khoa học, ta cũng không thể cảm nhận và thấu hiểu được sức mạnh của tôn giáo. Nếu bạn đi chùa, thắp nén nhang lên, trong khói hương mù mịt, ta sẽ cảm thấy lạc vào một thế giới khác, một thế giới thần tiên. Đến nhà thờ trong một buổi lễ nào đó, im lặng lắng nghe những âm thanh du dương của tiếng đại phong cầm hòa trong giọng nói trầm bổng của linh mục, lòng ta thấy cảm động và lời linh mục mới trở nên thiêng liêng biết bao. Từng lời giảng như thấm vào lòng ta, rất tự nhiên, rất ngọt ngào, không khiên cưỡng. Có lẽ lễ cầu nguyện, sự bài trí không gian, âm nhạc hòa quyện mới tạo nên môi trường tôn giáo. Đó mới thực sự là chất men kích thích sự bền vững của lòng tin nơi tín đồ. Vì thế có các giả đã ví tôn giáo như một thứ “ma túy”⁽³⁾ quyến rũ con người. Đó cũng chính là sự khác nhau giữa tuyên truyền tôn giáo và các phương pháp phổ biến khoa học khô khan. Vậy tôn giáo không phải là khoa học của những nhận thức khách quan mà là khoa học của “tâm linh”.

Có thể còn nhiều ý kiến khác nhau về quan hệ giữa khoa học và tôn giáo. Tạm thời tôi xin dẫn ra đây một câu nói của nhà bác học vĩ đại Albert Einstein để chúng ta cùng suy ngẫm:

“Khoa học không có tôn giáo thì khập khiễng, tôn giáo không có khoa học thì dui mù”/.

2. *Impossibility - The limits of Science and the Science of Limits*, Nxb. Oxford, New York, 1998.

3. Xem: Đỗ Minh Tuấn và tập thể. *Tôn giáo lí luận xưa và nay*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh 2006, tr. 276.